

**HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
NGÀNH GDĐT HUYỆN BẮC TRÀ MY NĂM 2024**

DANH SÁCH GHI ĐIỂM KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN BẮC TRÀ MY NĂM 2024

(Kèm theo Thông báo số #sovb/TB-HĐTDVC ngày #nbh/5/2025 của Hội đồng tuyển dụng viên chức)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Quê quán	Vị trí dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Phòng thi	Đơn vị đăng ký dự tuyển (Trường)		ĐIỂM SỐ				Kết quả
			Ngày	Tháng	Năm					Nguyễn vọng 1	Nguyễn vọng 2	Điểm thi vòng 2	Điểm phúc khảo/ chấm lại	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
01	0243	Lê Thị Phúc Diễm	01	3	1997	Tiên phước, Quảng Nam	Giáo viên Vật lí - THCS	-	11	PTDTBT THCS Nguyễn Bình Khiêm		52,0			52,0	
02	0244	Đinh Thị Hằng	05	01	1997	Bắc Trà My, Quảng Nam	Giáo viên Vật lí - THCS	Dân tộc thiểu số	11	PTDTBT THCS Nguyễn Bình Khiêm		35,0		5,0	40,0	
03	0245	Võ Thị Ly	09	9	1993	Tam Kỳ, Quảng Nam	Giáo viên Vật lí - THCS	-	11	PTDTBT THCS Nguyễn Bình Khiêm		69,3			69,3	
04	0246	Nguyễn Thị Khánh Ly	21	02	1994	Phước Sơn, Quảng Nam	Giáo viên Vật lí - THCS	Dân tộc thiểu số	11	PTDTBT THCS Nguyễn Bình Khiêm					0,0	Vắng thi
05	0247	Dương Thị Thu Ngân	01	7	1998	Điện Bàn, Quảng Nam	Giáo viên Vật lí - THCS	-	11	PTDTBT THCS Nguyễn Bình Khiêm		48,3			48,3	
06	0248	Tạ Thị Mê Ninh	13	01	1997	Trực Ninh, Nam Định	Giáo viên Vật lí - THCS	-	11	PTDTBT THCS Nguyễn Bình Khiêm		55,8			55,8	
07	0249	Nguyễn Thị Kiều Oanh	20	3	1991	Tiên Phước, Quảng Nam	Giáo viên Vật lí - THCS	-	11	PTDTBT THCS Nguyễn Bình Khiêm		49,0			49,0	
08	0250	Trần Thị Vy Phượng	19	02	1995	Thăng Bình, Quảng Nam	Giáo viên Vật lí - THCS	-	11	PTDTBT THCS Nguyễn Bình Khiêm		82,4			82,4	
09	0251	Lê Thị Ngọc Quý	24	8	1991	Thăng Bình, Quảng Nam	Giáo viên Vật lí - THCS	-	11	PTDTBT THCS Nguyễn Bình Khiêm		46,0			46,0	
10	0252	Vũ Thị Thu	01	7	1989	Cẩm Thủy, Thanh Hóa	Giáo viên Vật lí - THCS	-	11	PTDTBT THCS Nguyễn Bình Khiêm		85,5			85,5	Trúng tuyển
11	0253	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	26	11	1998	Đại Lộc, Quảng Nam	Giáo viên Vật lí - THCS	-	11	PTDTBT THCS Nguyễn Bình Khiêm		66,8			66,8	
12	0254	Vũ Thị Vi Tin	02	10	1996	Núi Thành, Quảng Nam	Giáo viên Vật lí - THCS	-	11	PTDTBT THCS Nguyễn Bình Khiêm					0,0	Vắng thi

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Quê quán	Vị trí dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Phòng thi	Đơn vị đăng ký dự tuyển (Trường)		ĐIỂM SỐ				Kết quả
			Ngày	Tháng	Năm					Nguyễn vọng 1	Nguyễn vọng 2	Điểm thi vòng 2	Điểm phúc khảo/ chấm lại	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
13	0255	Nguyễn Thị Cẩm Trâm	01	4	1993	Thăng Bình, Quảng Nam	Giáo viên Vật lí - THCS	-	11	PTDTBT THCS Nguyễn Bình Khiêm					0,0	Vắng thi
14	0256	Arát Thị Trâm	08	3	1998	Nam Giang, Quảng Nam	Giáo viên Vật lí - THCS	Dân tộc thiểu số	11	PTDTBT THCS Nguyễn Bình Khiêm		41,0		5,0	46,0	
15	0257	Nguyễn Thị Quỳnh Trâm	08	02	1993	Tiên Phước, Quảng Nam	Giáo viên Vật lí - THCS	-	11	PTDTBT THCS Nguyễn Bình Khiêm		56,5			56,5	